

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/DS - ST
Ngày 10 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Ông Nguyễn Tiến Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Minh Triều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tham gia phiên tòa: Ông Ngô Trường Út- Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2025/TLST - DS ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị G, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn X, xã L, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị G: Ông Vũ Văn Dũng- Luật sư Công ty Luật TNHH Vũ Dũng và công sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc, nay là tỉnh Phú Thọ có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên anh H có hỏi vay tiền chị G. Để tạo niềm tin đối với chị G, anh H tự giới thiệu trước đây anh là bộ đội, cấp bậc trung tá đã nghỉ hưu và được Nhà nước cấp cho một ô đất ở phường Đ, hiện anh cần tiền để làm sổ đỏ. Do tin tưởng anh H có tài sản đảm bảo để trả nợ và vì là hàng xóm gần

nhau nên chị G đã cho anh H vay tổng số tiền 122.100.000đ (một trăm hai mươi hai triệu, một trăm nghìn đồng) tiền gốc (trong đó có 25.000.000đ chị G vay hộ anh H với lãi suất 2%). Quá trình cho vay chị G đều chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn H thông qua Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh Branch: 24698-CN VĨNH PHÚC- HOI SO. Cụ thể các lần như sau: Ngày 07/3/2024 anh Nguyễn H vay 10.000.000đ; ngày 15/3/2024 anh H vay 4.000.000đ; ngày 20/3/2024 vay tiếp 6.000.000đ; ngày 30/3/2024 vay 3.000.000đ; ngày 02/4/2024 vay 1.000.000đ; ngày 04/4/2024 vay 6.000.000đ; ngày 15/4/2024 vay 2.500.000đ; ngày 17/4/2024 vay 3.000.000đ; ngày 21/4/2024 vay 25.000.000đ; ngày 25/4/2024 vay 6.000.000đ; ngày 28/4/2024 vay 2.000.000đ; ngày 01/5/2024 vay 2.000.000đ; ngày 06/5/2024 vay 1.200.000đ; ngày 09/5/2024 vay 1.000.000đ; ngày 10/5/2024 vay 3.000.000đ; ngày 12/5/2024 vay 500.000đ; ngày 13/5/2024 vay 1.000.000đ; ngày 14/5/2024 vay 3.000.000đ; ngày 16/5/2024 vay 1.000.000đ ; ngày 10/6/2024 vay 1.500.000đ; ngày 15/6/2024 vay 2.000.000đ; ngày 25/6/2024 vay 5.000.000đ; ngày 29/6/2024 vay 5.000.000đ; ngày 01/7/2024 vay 400.000đ; ngày 08/7/2024 vay 5.000.000đ; ngày 10/7/2024 vay 3.000.000đ; ngày 14/7/2024 vay 1.000.000đ; ngày 17/7/2024 vay 1.000.000đ; ngày 21/7/2024 vay 13.000.000đ; ngày 06/8/2024 vay 2.000.000đ; ngày 25/10/2024 vay 2.000.000đ. Tất cả những lần chị G cho anh H vay nêu trên đều bằng hình thức chuyển khoản.

Như vậy, từ 07/03/2024 đến ngày 25/10/2024 anh H đã 31 lần vay chị G với tổng số tiền: 122.100.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu một trăm nghìn đồng).

Chị G nhiều lần yêu cầu anh H trả số tiền đã vay, ngày 22/4/2025 anh H trả nợ cho chị G 2.000.000đ; ngày 28/4/2025 trả 3.000.000đ; ngày 09/05/2025 trả 5.000.000đ. Tổng số tiền anh H đã trả được cho chị G là 10.000.000đ (mười triệu đồng) việc trả nợ của anh H đều thông qua hình thức chuyển khoản, sau đó anh H không trả nợ cho chị G nữa.

Nay chị G đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn H phải trả nợ cho chị G số tiền gốc còn nợ lại là 112.100.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng Nhà nước quy định đến khi xét xử, tại phiên tòa chị G xin rút yêu cầu này.

Bị đơn anh Nguyễn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó trình bày: Anh H và chị G có mối quan hệ quen biết, do cần tiền làm ăn nên anh H hỏi vay chị G. Anh H đã vay tiền của chị G nhiều lần, số tiền vay mỗi lần không nhiều. Do vay nhiều lần nên anh H không nhớ cụ thể ngày tháng năm vay tiền của chị G. Anh đã nhận được tài liệu chứng cứ khởi kiện của chị G gửi, trong đơn khởi kiện chị G đã liệt kê các lần anh vay tiền của chị G và các lần anh trả tiền cho chị

G, anh nhất trí với các ngày chị G liệt kê anh vay tiền của chị G và các ngày anh trả tiền cho chị G.

Nay chị G khởi kiện yêu cầu anh trả nợ cho chị G tổng số tiền 112.100.000đ nợ gốc anh nhất trí trả nợ cho chị G. Do điều kiện kinh tế còn khó khăn nên anh xin được trả nợ dần, mỗi tháng anh trả chị G 10.000.000đ cho đến khi trả hết nợ. Số tiền trên một mình anh đứng ra vay chị G để làm ăn, không phải chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, không làm ăn chung với ai. Một mình anh sẽ có trách nhiệm trả cho chị G.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 11 phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; **Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự**; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh H phải trả nợ cho chị G số tiền 112. 100.000đ. Đình chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng Nhà nước quy định đến khi xét xử của nguyên đơn.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Vũ Thị G khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn H trả số tiền gốc 112.100.000đ còn nợ, vì vậy quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh H có địa chỉ tại xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc cũ, nay là xã L, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ.

- *Về việc vắng mặt của bị đơn:* Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn, bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền 112.100.000đ, Hội đồng xét xử thấy:

Do có mối quan hệ quen biết nên anh H đã nhiều lần vay tiền của chị G. Từ

ngày 07/3/2024 đến ngày 25/10/2024, anh H đã 31 lần vay của chị G tổng số tiền là 122.100.000đ đều qua hình thức chuyển khoản. Từ ngày 22/4/2025 đến ngày 09/05/2025 anh H đã trả được cho chị G tổng số tiền 10.000.000đ đều thông qua hình thức chuyển khoản. Anh H còn nợ chị G 112.100.000đ. Phía anh H cũng thừa nhận các lần vay tiền, số tiền đã trả được chị G và số tiền còn nợ lại là 112.100.000đ. Do đó có căn cứ xác định chị G đã cho anh H vay số tiền 122.100.000đ, anh H đã trả được cho chị G 10.000.000đ, hiện anh H còn nợ chị G 112.100.000đ.

Về số tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án chị G yêu cầu tính lãi kể từ khi vay cho đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất nợ quá hạn. Tại phiên tòa chị G đã rút yêu cầu này. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

Việc bị đơn đề nghị nguyên đơn cho giãn nợ nhưng bị đơn không có mặt tại các buổi làm việc với nguyên đơn và không có mặt tại phiên tòa để thỏa thuận với nguyên đơn, phía nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này.

Về quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Thống nhất như quan điểm của nguyên đơn đã được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể: $112.100.000đ \times 5\% = 5.605.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227; 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 24 Điều 26 Luật Thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị G về việc yêu cầu anh Nguyễn H trả nợ tiền.

Buộc anh Nguyễn H phải trả cho chị Vũ Thị G số tiền 112.100.000đồng (Một trăm mười hai triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H không thanh toán khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi kể từ khi vay cho đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất nợ quá hạn của chị G.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả lại cho chị G số tiền tạm ứng án phí 5.855.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0007702 ngày 03/6/2025 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Lập Thạch (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Phú Thọ).

Anh Nguyễn H phải chịu 5.605.000đồng (Năm triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 11- Phú Thọ
- Các đương sự;
- Lưu: HS- VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh

